Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8447.11.00

Mã HS	8447.11.00
Mô tả hàng hóa	Máy dệt kim, máy khâu đính và máy tạo sợi quấn, sản xuất vải tuyn, ren, thêu, trang trí, dây tết hoặc lưới và máy tạo búi / - Máy dệt kim tròn: / - - Có đường kính trục cuốn không quá 165 mm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 15:41:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84471100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13965
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13965
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13965
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13284
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13225
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13225
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13225
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13225
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13225
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13225
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13279
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13279
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13279

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13279
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13279
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13279
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13280
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13280
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13280
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13280
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13280
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13280
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13283
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13231
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13239
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13239
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13239
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13239
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13239
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13239
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13270
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13270
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13270
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13270
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13270
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13270
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13319
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13319
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13319

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13319
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13319
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13319
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13302
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13302
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13302
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13302
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13302
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13302
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13302
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13302
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13302
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13302
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13302
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13302
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13317
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13317
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13317
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13317
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13317
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13317
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13316
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13316
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13316
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13316
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13316

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13316
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13296
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13296
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13296
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13296
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13296
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13296
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13296
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13304
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13304
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13304
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13304
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13304
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13304
RCEP B	2022	2022	0	B!D13304
RCEP B	2023	2023	0	B!E13304
RCEP B	2024	2024	0	B!F13304
RCEP B	2025	2025	0	B!G13304
RCEP B	2026	2026	0	B!H13304
RCEP B	2027	2027	0	B!I13304
RCEP C	2022	2022	0	C!D13304
RCEP C	2023	2023	0	C!E13304
RCEP C	2024	2024	0	C!F13304
RCEP C	2025	2025	0	C!G13304
RCEP C	2026	2026	0	C!H13304
RCEP C	2027	2027	0	C!I13304

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13303
RCEP D	2023	2023	0	D!E13303
RCEP D	2024	2024	0	D!F13303
RCEP D	2025	2025	0	D!G13303
RCEP D	2026	2026	0	D!H13303
RCEP D	2027	2027	0	D!I13303
RCEP E	2022	2022	0	E!D13307
RCEP E	2023	2023	0	E!E13307
RCEP E	2024	2024	0	E!F13307
RCEP E	2025	2025	0	E!G13307
RCEP E	2026	2026	0	E!H13307
RCEP E	2027	2027	0	E!I13307
RCEP F	2022	2022	0	F!D13304
RCEP F	2023	2023	0	F!E13304
RCEP F	2024	2024	0	F!F13304
RCEP F	2025	2025	0	F!G13304
RCEP F	2026	2026	0	F!H13304
RCEP F	2027	2027	0	F!I13304
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12343
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12343
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12343
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12343

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8447.11.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8447.11.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8447.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8447.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13965), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.